

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ
KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP
CẦN THƠ**

**Báo cáo tài chính riêng
đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2013**



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. Báo cáo của Hội Đồng Quản trị	1 - 4
2. Báo cáo kiểm toán	5 - 6
3. Bảng cân đối kế toán	7 - 9
4. Báo cáo kết quả kinh doanh	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 27

5775
HI NH
ÔNG
+ NH
ỀM T
-AO V
FU-T

180
CÔ
CÔ
T TU
ÔNG
CÁ
KIẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ Thuật Nông nghiệp Cần Thơ (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013.

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty đương nhiệm trong năm 2013 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Ông: Phạm Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT
- Ông: Lý Thanh Tùng	Thành viên
- Ông: Trương Tấn Lộc	Thành viên
- Ông: Trần Văn Thuộc	Thành viên
- Ông: Lê Văn Phước	Thành viên
- Ông: Vũ Hồng Tuấn	Thành viên

Công ty đã bổ nhiệm ông Vũ Hồng Tuấn, Phó Ban quản lý rủi ro của SCIC vào thành viên Hội đồng quản trị theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 được tổ chức vào ngày 29/05/2013.

2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty đương nhiệm trong năm 2013 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Ông: Nguyễn Trí Dũng	Trưởng ban kiểm soát
- Ông: Hà Nhơn Sâm	Thành viên
- Ông: Trịnh Hữu Phúc	Thành viên

Trong năm 2013 và đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty không có thay đổi thành viên Ban kiểm soát.

3. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty đương nhiệm trong năm 2013 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Ông: Phạm Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
- Ông: Lý Thanh Tùng	Phó Tổng giám đốc
- Ông: Đỗ Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc
- Ông: Trần Xuân Điếu	Kế toán trưởng

Trong năm 2013 và đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty không có thay đổi thành viên Ban Tổng giám đốc.

4. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở của Công ty đặt tại số 1D đường Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty không có đơn vị trực thuộc.

Công ty có đầu tư vào hai Công ty con với tỷ lệ sở hữu vốn như sau:

Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Cái Sơn, Hàng Bàng, Khu vực Lợi Nguyên, phường An Bình, Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ;
- Vốn điều lệ: 31.483.800.000 đồng. Trong đó vốn góp của Công ty Cp Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ là 30.624.300.000 đồng, chiếm 97,27%;
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 97,27%;
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 97,27%.

Tuy nhiên, trong 9 tháng đầu năm 2013, Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây đã tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu lên 415.100.000 đồng, số dư vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 30/09/2013 là 31.898.900.000 đồng nhưng chưa đăng ký thay đổi lại với Sở kế hoạch đầu tư thành phố Cần Thơ. Như vậy, vốn góp thực tế của Công ty Cp Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ tại ngày 30/09/2013 là 30.624.300.000 đồng, chiếm 96,00%. Như vậy, tỷ lệ lợi ích của các nhóm có thay đổi, cụ thể như sau:

- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 96,00%;
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 96,00%.

Công ty CP Nông dược TSC (TSP);

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Đức Hòa 1, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;
- Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng. Trong đó vốn góp của Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ là 51.575.000.000 đồng, chiếm 57,31%;
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 57,31%;
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 57,31%.

5. Lĩnh vực kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800518314 đăng ký lần đầu ngày 25/07/2003 và thay đổi lần thứ 5 ngày 07 tháng 07 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Nhập khẩu, kinh doanh: phân bón các loại, máy móc thiết bị và tư liệu sản xuất phục vụ nông nghiệp, nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản, nguyên liệu, phụ liệu sản xuất thuốc bảo vệ thực vật và các chế phẩm phân bón, hạt giống phục vụ sản xuất nông nghiệp;
- Thu mua, gia công, chế biến, cung ứng xuất khẩu gạo và các loại nông sản;
- Đại lý cung ứng các loại tư liệu sản xuất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp;
- Sản xuất thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản;
- Kinh doanh địa ốc, bất động sản và văn phòng cho thuê;
- Kinh doanh xuất khẩu: phân bón, thuốc bảo vệ thực vật;
- Cho thuê kho tàng, bến bãi;
- Sản xuất kinh doanh bao bì;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

- Nhập khẩu, kinh doanh: phân bón các loại;
- Thu mua, cung ứng xuất khẩu gạo;
- Cho thuê kho tàng, bến bãi.

6. Mã chứng khoán niêm yết tại HOSE: TSC

7. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được thể hiện trong báo cáo tài chính riêng từ trang 7 đến trang 27.

Các kết quả tài chính

- Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	(2.893.726.439) VND
- Lợi nhuận khác	12.641.327.259 VND
- Tổng lỗ kế toán trước thuế	9.747.600.820 VND
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.762.460.342 VND
- Lợi nhuận sau thuế	6.985.140.478 VND

Doanh thu thuần năm 2013 giảm mạnh so với năm 2012 số tiền 1.803.361.409.790 đồng, tương đương 80,40%. Việc sụt giảm doanh thu đáng kể nêu trên là do Công ty Mẹ dần thu hẹp ngành nghề kinh doanh phân bón là ngành chủ lực của Công ty trước đây. Theo chiến lược kinh doanh đã công bố trên bản cáo bạch, hơn nữa trên thực tế do tình hình kinh tế xã hội gặp khó khăn, giá phân bón trong nước liên tục giảm trong các tháng đầu năm nên nếu tiếp tục kinh doanh rủi ro sẽ rất lớn.

Tuy nhiên, lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2013 lại tăng mạnh so với năm 2012 số tiền 68.789.119.858 đồng, tương đương 116,51%. Nguyên nhân lợi nhuận trước thuế tăng mạnh là do Công ty thu hẹp kinh doanh, giảm chi phí lãi vay 62.617.385.853 đồng so với năm ngoái, tương đương 87,67%. Ngoài ra, lợi nhuận có được còn là do lãi từ việc Công ty chuyển nhượng Kho Long An.

Năm 2013, lợi nhuận từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản không được bù trừ với khoản lỗ của hoạt động kinh doanh nên phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25%.

Hiện nay, tập thể Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành cùng toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty vẫn đang cố gắng nỗ lực đưa Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn này.

8. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có

9. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Hội đồng quản trị Công ty cam kết rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra trong giai đoạn kể từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập bản báo cáo này cần phải điều chỉnh số liệu hoặc khai báo trên báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

10. Kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013 cho Công ty.

11. Ý kiến của Hội đồng Quản trị

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong giai đoạn tài chính nêu trên được thể hiện trong báo cáo này không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào trong giai đoạn từ cuối niên độ tài chính cho đến ngày lập báo cáo này.

Cũng theo ý kiến của Hội đồng quản trị, không có khoản nợ không lường trước hay các khoản nợ khác có thể làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng thanh toán nợ của Công ty.

Vào ngày lập bản báo cáo này, Hội đồng quản trị Công ty cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Cần Thơ, ngày 16 tháng 02 năm 2014



CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHẠM VĂN TUẤN



Số: 05/2014/SVCT - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Vật Tư Kỹ Thuật Nông Nghiệp Cần Thơ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vật Tư Kỹ Thuật Nông nghiệp Cần Thơ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ ("Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, được lập ngày 18 tháng 01 năm 2014 từ trang 7 đến trang 27 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính riêng của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu mà chưa được phát hiện ra.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

50-007
ÁNH
TY
HỮU
TOÁN
VIỆT
TP. CẦN

51837
TY
HỮU
Y THƯ
GHIẾP
THƠ
TP. CẦN

Ý kiến chấp nhận toàn phần

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả sản xuất, kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Quang Nhơn

Nguyễn Quang Nhơn
Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0325-2013-107-1
Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt, CN Cần Thơ
Cần Thơ, ngày 26 tháng 02 năm 2014

Đặng Thị Thiên Nga

Đặng Thị Thiên Nga
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0462-2013-107-1

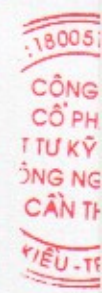


CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số : B 01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		68.708.707.907	255.749.319.359
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.1	8.822.859.683	12.353.578.295
1. Tiền	111		8.822.859.683	12.353.578.295
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120	V.2	19.803.243.361	18.336.274.678
1. Đầu tư ngắn hạn	121		19.803.243.361	18.336.274.678
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	V.3	20.172.883.146	92.620.951.012
1. Phải thu khách hàng	131		18.164.583.666	90.386.586.786
2. Trả trước cho người bán	132		7.223.961.042	5.199.959.842
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		353.880.078	654.404.384
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(5.569.541.640)	(3.620.000.000)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.4	16.239.158.259	127.148.333.178
1. Hàng tồn kho	141		16.239.158.259	127.148.333.178
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		3.670.563.458	5.290.182.196
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		54.000.000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.379.563.458	3.628.569.061
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	154		-	1.303.113.135
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		237.000.000	358.500.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		136.354.539.414	182.838.247.236
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		50.998.525.038	97.482.232.860
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	15.000.269.119	42.766.184.203
- Nguyên giá	222		42.337.283.847	74.882.661.427
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.337.014.728)	(32.116.477.224)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	18.788.718.549	37.839.211.287
- Nguyên giá	228		18.925.082.184	40.231.961.029
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(136.363.635)	(2.392.749.742)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	17.209.537.370	16.876.837.370
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.8	85.356.014.376	85.356.014.376
1. Đầu tư vào công ty con	251		83.310.359.376	83.310.359.376
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		2.045.655.000	2.045.655.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		205.063.247.321	438.587.566.595



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

				Đơn vị tính: VND	
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm	
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		77.980.944.013	318.450.403.765	
I. Nợ ngắn hạn	310		77.980.944.013	318.450.403.765	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	55.547.283.761	298.762.387.794	
2. Phải trả người bán	312	V.10	18.605.714	778.650.120	
3. Người mua trả tiền trước	313	V.10	4.022.836.487	320.660.712	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	640.550.339	259.557.061	
5. Phải trả người lao động	315		2.283.193.293	2.307.934.504	
6. Chi phí phải trả	316		-	-	
7. Phải trả nội bộ	317		-	-	
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-	
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	12.658.266.264	12.643.828.264	
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-	
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.810.208.155	3.377.385.310	
II. Nợ dài hạn	330		-	-	
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-	
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-	
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-	
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-	
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-	
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-	
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-	
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-	
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-	
10. Quỹ bình ổn giá xăng dầu	340		-	-	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		127.082.303.308	120.137.162.830	
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	127.082.303.308	120.137.162.830	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		83.129.150.000	83.129.150.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.389.610.000	2.389.610.000	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		127.728.500	127.728.500	
4. Cổ phiếu quỹ	414		(3.807.416.804)	(3.807.416.804)	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-	
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		66.657.559.505	66.657.559.505	
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		26.953.486.997	26.953.486.997	
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(48.367.814.890)	(55.312.955.368)	
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-	
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-	
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-	
2. Nguồn kinh phí	432		-	-	
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		205.063.247.321	438.587.566.595	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số : B 01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

<u>Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán</u>	<u>Thuyết minh</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
_ USD		347.492,06	389.329,40
_ EUR		269,91	280,83
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



Bùi Đức Hoàn
Người lập



Trần Xuân Diệu
Kế toán trưởng



Phạm Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 18 tháng 01 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh		Quý IV năm 2012	Quý IV năm 2013	Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này	
		Mã số	minh			2012	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01			446.042.304.806	58.859.882.973	440.073.037.160	2.243.031.110.065
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			-	-	585.714.286	182.377.400
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VI.1		446.042.304.806	58.859.882.973	439.487.322.874	2.242.848.732.665
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.1		439.652.723.320	57.377.402.499	435.340.779.803	2.211.648.629.394
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20	VI.1		6.389.581.486	1.482.480.474	4.146.543.071	31.200.103.271
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2		1.708.378.022	3.315.692.230	19.615.767.210	27.123.652.753
7. Chi phí tài chính	22	VI.3		7.296.906.372	429.747.930	9.577.334.591	75.464.674.053
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			7.212.262.500	307.736.466	8.808.123.358	71.425.509.211
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4		6.114.119.765	1.998.158.224	8.740.197.712	31.189.529.516
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5		4.734.501.355	1.560.788.404	8.338.504.417	10.887.791.341
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30			(10.047.567.984)	809.478.146	(2.893.726.439)	(59.218.238.886)
11. Thu nhập khác	31	VI.6		177.174.102	255.340.250	57.917.154.103	177.174.102
12. Chi phí khác	32	VI.7		-	1.650.000	45.275.826.844	454.254
13. Lợi nhuận khác	40			177.174.102	253.690.250	12.641.327.259	176.719.848
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.8		(9.870.393.882)	1.063.168.396	9.747.600.820	(59.041.519.038)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8		-	2.762.460.342	2.762.460.342	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.8		(9.870.393.882)	(1.699.291.946)	6.985.140.478	(59.041.519.038)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			(1.232)	(212)	872	(7.368)



(Signature)

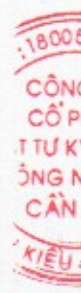
Phạm Văn Tuấn
 Tổng Giám đốc

Trần Xuân Điều
 Kế toán trưởng

Bùi Đức Hoàn
 Người lập

Cần Thơ, ngày 18 tháng 01 năm 2014

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số : B 03 - DN

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

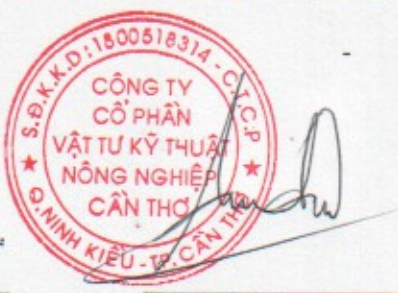
(Theo phương pháp trực tiếp)


Đơn vị tính : VND

Chi tiêu	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	609.996.202.585	2.338.213.024.186
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(415.273.797.601)	(2.228.095.069.951)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(5.950.928.211)	(7.144.231.365)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(7.897.938.309)	(71.806.307.608)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.130.000.000)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	134.807.756.877	351.869.132.747
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(80.103.018.045)	(191.970.111.517)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	234.448.277.297	191.066.436.492
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(328.845.455)	(26.732.727)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.963.810.795	4.776.396.620
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.634.965.340	4.749.663.893
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	310.095.543.586	2.154.740.420.609
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(549.429.167.953)	(2.473.897.438.994)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(208.082.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(239.333.624.367)	(319.365.100.635)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(3.250.381.730)	(123.549.000.250)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	12.353.578.295	135.913.942.411
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(280.336.882)	(11.363.866)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	8.822.859.683	12.353.578.295


Bùi Đức Hoàn
 Người lập


Trần Xuân Diệu
 Kế toán trưởng




Phạm Văn Tuấn
 Tổng Giám đốc
 Cần Thơ, ngày 18 tháng 01 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần thơ được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ, theo Quyết định số 2500/QĐ – CT.UB ngày 25/07/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Cần Thơ (nay là UBND thành phố Cần Thơ).

Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800518314 đăng ký lần đầu ngày 25/07/2003 và thay đổi lần thứ 5 ngày 07 tháng 07 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 83.129.150.000, tương ứng 8.312.915 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần 10.000 và theo tỷ lệ như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- SCIC	3.500.000	35.000.000.000	42,10%
- Cổ đông khác	4.812.915	48.129.150.000	57,90%
Cộng	8.312.915	83.129.150.000	100,00%

Nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu thể hiện trên Bảng cân đối kế toán vào ngày 31/12/2013 là 83.129.150.000 và phù hợp với tỷ lệ nêu trên.

2. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở của Công ty đặt tại số 1D đường Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Công ty không có đơn vị trực thuộc.

Công ty có đầu tư vào hai Công ty con với tỷ lệ sở hữu vốn như sau:

Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Cái Sơn, Hàng Bàng, Khu vực Lợi Nguyên, phường An Bình, Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ;
- Vốn điều lệ: 31.483.800.000 đồng. Trong đó vốn góp của Công ty Cp Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ là 30.624.300.000 đồng, chiếm 97,27%;
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 97,27%;
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 97,27%.

Tuy nhiên, trong 9 tháng đầu năm 2013, Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây đã tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu lên 415.100.000 đồng, số dư vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 30/09/2013 là 31.898.900.000 đồng nhưng chưa đăng ký thay đổi lại với Sở kế hoạch đầu tư thành phố Cần Thơ. Như vậy, vốn góp thực tế của Công ty Cp Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ tại ngày 30/09/2013 là 30.624.300.000 đồng, chiếm 96,00%. Như vậy, tỷ lệ lợi ích của các nhóm có thay đổi, cụ thể như sau:

- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 96,00%;
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 96,00%.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty CP Nông dược TSC (TSP)

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Đức Hòa 1, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;
- Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng. Trong đó vốn góp của Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ là 51.575.000.000 đồng, chiếm 57,31%;
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 57,31%;
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 57,31%.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Nhập khẩu, kinh doanh: phân bón các loại, máy móc thiết bị và tư liệu sản xuất phục vụ nông nghiệp, nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản, nguyên liệu, phụ liệu sản xuất thuốc bảo vệ thực vật và các chế phẩm phân bón, hạt giống phục vụ sản xuất nông nghiệp;
- Thu mua, gia công, chế biến, cung ứng xuất khẩu gạo và các loại nông sản;
- Đại lý cung ứng các loại tư liệu sản xuất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp;
- Sản xuất thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản;
- Kinh doanh địa ốc, bất động sản và văn phòng cho thuê;
- Kinh doanh xuất khẩu: phân bón, thuốc bảo vệ thực vật;
- Cho thuê kho tàng, bến bãi;
- Sản xuất kinh doanh bao bì;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

- Nhập khẩu, kinh doanh: phân bón các loại;
- Thu mua, cung ứng xuất khẩu gạo;
- Cho thuê kho tàng, bến bãi.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm 2013 được bắt đầu từ ngày 01/01/2013 và kết thúc vào ngày 31/12/2013.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và các thông tư sửa đổi, bổ sung có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 " Trình bày báo cáo tài chính".

3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Cuối kỳ kế toán, số dư của các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu và phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định tại Thông tư số 179/2012/TT – BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài Chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá do việc đánh giá lại nêu trên được xử lý theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 " Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" (VAS 10).

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Phương pháp ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Tuy nhiên, giá nhập kho của Công ty chỉ bao gồm giá mua.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Cuối kỳ kế toán, Công ty không có hàng lỗi thời, chậm luân chuyển và kém, mất phẩm chất cần lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CÀN THƠ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao tài sản cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT – BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

Nhóm TSCĐ	Thời gian khấu hao ước tính
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 30 năm
- Thiết bị quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất (*)	không trích khấu hao
- Bản quyền nhãn thuốc	01 năm

(*) Quyền sử dụng đất kho Long An có thời hạn được trích khấu hao theo thời hạn ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quý I năm 2003, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ kho Long An cho đơn vị khác.

Riêng các quyền sử dụng đất do công ty mua nhưng trên giấy CNQSD đất có ghi thời hạn Công ty chưa trích khấu hao với tổng nguyên giá là 18.788.718.549.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được lập khi các khoản đầu tư bị giảm giá hoặc doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ. Cuối năm tài chính 2013, Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty cổ phần Nông dược TSC mặc dù khoản đầu tư vào Công ty này đã bị sụt giảm. Việc không trích lập dự phòng khoản giảm giá đầu tư nêu trên là do Công ty con đã xác định lỗ theo kế hoạch trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán. Năm 2013, không có khoản chi phí lãi vay nào cần được vốn hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí thực tế như: chi phí sửa chữa lớn, chi phí công cụ dụng cụ... đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tiền lương

Công ty trích quỹ tiền lương năm 2013 theo Nghị quyết số 06/NQ.CPVTKTNN Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 tổ chức ngày 29/05/2013. Tổng quỹ lương năm 2013 là 5.500.000.000.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả như: chi phí lãi vay, chi phí vận chuyển... được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

9. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu. Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế đã phát hành và mệnh giá cổ phiếu. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua vào và được trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên. Đến thời điểm phát hành bản báo cáo này, Công ty chưa chia cổ tức năm 2011.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là doanh thu được ghi nhận căn cứ trên hóa đơn giá trị gia tăng đã lập và tờ khai hải quan hàng xuất khẩu khi hàng hóa, dịch vụ đã được cung cấp đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và thu nhập khác.

11. Thuế

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Năm 2013, lợi nhuận từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản không được bù trừ với khoản lỗ của hoạt động kinh doanh nên phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Năm 2013, Công ty không phát sinh chi phí thuế TNDN hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

12. Số dư đầu năm

Số dư đầu năm căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

<i>Khoản mục</i>	<u>31-12-2013</u>	<u>01-01-2013</u>
Tiền mặt	63.815.591	210.853.047
Tiền gửi ngân hàng	8.759.044.092 (a)	12.142.725.248
Cộng	<u>8.822.859.683</u>	<u>12.353.578.295</u>

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2013 như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>USD</i>	<i>EUR</i>	<i>VND</i>	<i>Tương đương VND</i>
- Vietcombank, CN. Cần Thơ	344.742,14	269,91	1.368.321.246	8.644.116.142
- Vietcombank, CN. Tân Thuận	-	-	3.300.986	3.300.986
- Vietinbank, CN. Cần Thơ	202,51	-	7.065.502	11.335.425
- Các ngân hàng khác	2.547,41	-	46.579.401	100.291.539
Cộng	<u>347.492,06</u>	<u>269,91</u>	<u>1.425.267.135</u>	<u>8.759.044.092</u>

2. Các khoản đầu tư ngắn hạn

<i>Khoản mục</i>	<u>31-12-2013</u>	<u>01-01-2013</u>
Đầu tư ngắn hạn	19.803.243.361 (b)	18.336.274.678
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
Cộng	<u>19.803.243.361</u>	<u>18.336.274.678</u>

(b) Chi tiết số dư đầu tư ngắn hạn vào ngày 31/12/2013 như sau:

<i>Đối tượng</i>	<i>Số tiền</i>
- Công ty con – Công ty CP Nông Dược TSC (vay)	19.803.243.361
Cộng	<u>19.803.243.361</u>

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

<i>Khoản mục</i>	<u>31-12-2013</u>	<u>01-01-2013</u>
Phải thu khách hàng	18.164.583.666 (c)	90.386.586.786
Trả trước cho người bán	7.223.961.042 (d)	5.199.959.842
Các khoản phải thu khác	353.880.078 (e)	654.404.384
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.569.541.640) (c)	(3.620.000.000)
Cộng	<u>20.172.883.146</u>	<u>92.620.951.012</u>

(c) Chi tiết số dư phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2013 như sau:

<i>Khách hàng</i>	<i>Số tiền</i>	<i>Nợ khó đòi đã trích lập dự phòng</i>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<u>Khách hàng</u>	<u>Số tiền</u>	<u>Nợ khó đòi đã trích lập dự phòng</u>
- Phải thu khách hàng mua phân bón	6.751.056.547	3.620.000.000
- Phải thu khách hàng mua gạo	10.840.229.879	1.949.541.640
- Phải thu Công ty CP Nông Dược TSC	573.297.240	-
Cộng	18.164.583.666	5.569.541.640

(d) Chi tiết số dư trả trước cho người bán tại ngày 31/12/2013 như sau:

<u>Nhà cung cấp</u>	<u>Số tiền</u>
- Trả trước nhà cung cấp gạo	7.148.961.042
- Trả trước nhà cung cấp khác	75.000.000
Cộng	7.223.961.042

(e) Chi tiết số dư trả các khoản phải thu khác tại ngày 31/12/2013 như sau:

<u>Đối tượng</u>	<u>Số tiền</u>
- Công ty CP Nông dược TSC	52.600.078
- Phòng quản lý đô thị Cái Răng	300.000.000
- Công ty điện báo điện thoại Cần Thơ	1.280.000
Cộng	353.880.078

4. Hàng tồn kho

<u>Khoản mục</u>	<u>31-12-2013</u>	<u>01-01-2013</u>
Hàng hóa tồn kho	16.239.158.259 (f)	127.148.333.178
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	16.239.158.259	127.148.333.178

(f) Chi tiết số dư hàng hóa tồn kho vào ngày 31/12/2013 như sau:

<u>Khoản mục</u>	<u>Số tiền</u>
- Phân bón	5.960.760.987
- Gạo	10.278.397.272
Cộng	16.239.158.259

- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có
- Giá trị hàng tồn kho đã dùng để thế chấp các khoản nợ phải trả: không có
- Lý do trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có

5. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

<u>Loại tài sản</u>	<u>01-01-2013</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>31-12-2013</u>
Nguyên giá	74.882.661.427	19.545.455	32.564.923.035	42.337.283.847
- Nhà cửa, vật kiến trúc	59.666.527.771	-	29.614.635.654	30.051.892.117
- Máy móc thiết bị	9.120.441.590	19.545.455	2.950.287.381	6.189.699.664
- Phương tiện vận tải	6.095.692.066	-	-	6.095.692.066
- Thiết bị quản lý	-	-	-	-
Hao mòn lũy kế	32.116.477.224	2.429.763.295	7.209.225.791	27.337.014.728

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Loại tài sản	01-01-2013	Tăng	Giảm	31-12-2013
- Nhà cửa, vật kiến trúc	21.109.290.262	1.583.435.780	5.476.112.350	17.216.613.692
- Máy móc thiết bị	7.052.250.146	343.427.324	1.733.113.441	5.662.564.029
- Phương tiện vận tải	3.954.936.816	502.900.191	-	4.457.837.007
- Thiết bị quản lý	-	-	-	-
Giá trị còn lại	42.766.184.203			15.000.269.119
- Nhà cửa, vật kiến trúc	38.557.237.509			12.835.278.425
- Máy móc thiết bị	2.068.191.444			527.135.635
- Phương tiện vận tải	2.140.755.250			1.637.855.059
- Thiết bị quản lý	-			-

- Giá trị của TSCĐ đã dùng để thế chấp cầm cố các khoản nợ vay: 10.207.228.368
- Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31/12/2013 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 11.314.092.015
- Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31/12/2013 chờ thanh lý: không có
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có

• Chi tiết tài sản cố định hữu hình tăng trong năm 2013 như sau:

	Số tiền
- Máy vi tính	19.545.455
Cộng	19.545.455

• Chi tiết tài sản cố định hữu hình giảm trong năm 2013 như sau:

	Số tiền
- Nhượng bán kho Long An	29.598.635.654
- Nhượng bán thiết bị kho Long An	1.942.944.789
- Điều chuyển sang CCDC theo Thông tư số 45/2013/TT - BTC	1.023.342.592
Cộng	32.564.923.035

6. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Loại tài sản	01-01-2013	Tăng	Giảm	31-12-2013
Nguyên giá	40.231.961.029	-	21.306.878.845	18.925.082.184
- Quyền sử dụng đất	40.095.597.394		21.306.878.845	18.788.718.549
- Bản quyền nhãn thuốc	136.363.635	-	-	136.363.635
Hao mòn lũy kế	2.392.749.742	-	2.256.386.107	136.363.635
- Quyền sử dụng đất	2.256.386.107	-	2.256.386.107	-
- Bản quyền nhãn thuốc	136.363.635	-	-	136.363.635
Giá trị còn lại	37.839.211.287			18.788.718.549
- Quyền sử dụng đất	37.839.211.287			18.788.718.549
- Bản quyền nhãn thuốc	-			-

Quyền sử dụng đất của Công ty hầu hết đều là đất có thời hạn sử dụng. Tuy nhiên, chỉ có quyền sử dụng đất tại kho Long An là có trích khấu hao trên tổng nguyên giá là 21.306.878.845. Quyền sử dụng đất này đã được chuyển nhượng trong Quý I năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Khoản mục	31-12-2013	01-01-2013
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	17.209.537.370 (g)	16.876.837.370
Cộng	17.209.537.370	16.876.837.370

(g) Chi tiết số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2013 như sau:

	Số tiền
- Mua đất chưa hoàn tất thủ tục chuyển sang tên TSC	16.326.057.370
- Chi phí đăng ký bản quyền nhãn thuốc	550.780.000
- Chi phí khảo nghiệm, đăng ký thuốc bảo vệ thực vật	310.700.000
- Lệ phí đăng ký thuốc bảo vệ thực vật	22.000.000
Cộng	17.209.537.370

8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Khoản mục	31-12-2013	01-01-2013
Đầu tư vào công ty con	83.310.359.376 (h)	83.310.359.376
Đầu tư dài hạn khác	2.045.655.000 (i)	2.045.655.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	-
Cộng	85.356.014.376	85.356.014.376

(h) Chi tiết số dư khoản đầu tư vào công ty con tại ngày 31/12/2013 như sau:

	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ	Tương ứng số vốn sở hữu	Số vốn thực tế đầu tư
- Công ty CP CBTPXK Miền Tây	31.483.800.000	97,27%	30.624.300.000	31.735.359.376
- Công ty CP Nông dược TSC	90.000.000.000	57,31%	51.575.000.000	51.575.000.000
Cộng	121.483.800.000		82.199.300.000	83.310.359.376

(i) Chi tiết số dư khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31/12/2013 như sau:

	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của Công ty	Tương ứng số vốn sở hữu	Số vốn thực tế đầu tư
- Công ty CP xếp dỡ và dịch vụ CSG	40.500.000.000	5%	2.025.000.000	2.045.655.000
Cộng	40.500.000.000		2.025.000.000	2.045.655.000

9. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

Khoản mục	31-12-2013	01-01-2013
Vay và nợ ngắn hạn	55.547.283.761 (j)	298.762.387.794
Cộng	55.547.283.761	298.762.387.794

(j) Chi tiết số dư khoản vay ngắn hạn vào ngày 31/12/2013 như sau:

Ngân hàng	USD	Tương đương VND	VND	Tổng cộng
- Vietcombank, CN Cần Thơ	2.059.758,00	43.429.692.505	-	43.429.692.505
- Công ty CP CBTPXK Miền Tây	-	-	2.280.008.891	2.280.008.891
- Vay cá nhân – Trần Ngọc Diễm	-	-	9.837.582.365	9.837.582.365
Cộng	2.059.758,00	43.429.692.505	12.117.591.256	55.547.283.761

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

Khoản mục	31-12-2013	01-01-2013
Phải trả người bán	18.605.714 (k)	778.650.120
Người mua trả tiền trước	4.022.836.487 (l)	320.660.712
Cộng	6.325.871.490	1.099.310.832

(k) Chi tiết số dư phải trả người bán tại ngày 31/12/2013 như sau:

Nhà cung cấp	USD	VND	Tương đương VND
- Các nhà cung cấp khác		18.605.714	18.605.714
Cộng	-	18.605.714	18.605.714

(l) Chi tiết số dư người mua trả tiền trước tại ngày 31/12/2013 như sau:

Khách hàng	USD	VND	Tương đương VND
- Khách hàng mua phân bón	-	212.001.563	212.001.563
- Khách hàng mua gạo	-	3.719.109.910	3.719.109.910
- Các khách hàng khác	-	91.725.014	91.725.014
Cộng	-	4.022.836.487	4.022.836.487

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Khoản mục	31-12-2013	01-01-2013
- Thuế TNDN	592.375.666	-
- Thuế thu nhập cá nhân	48.174.673	259.557.061
Cộng	640.550.339	259.557.061

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Khoản mục	31-12-2013	01-01-2013
- Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	12.658.266.264 (m)	12.643.828.264
Cộng	12.658.266.264	12.643.828.264

(m) Chi tiết số dư khoản phải trả khác vào ngày 31/12/2013 như sau:

	Số tiền
- Bộ thương mại	85.000.000
- Cổ tức phải trả	12.573.266.264
Cộng	12.658.266.264

13. Vốn chủ sở hữu

(a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay

Khoản mục	01/01/2013	Tăng	Giảm	31/12/2013
- Vốn đầu tư của CSH	83.129.150.000	-	-	83.129.150.000
- Thặng dư vốn cổ phần	2.389.610.000	-	-	2.389.610.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khoản mục	01/01/2013	Tăng	Giảm	31/12/2013
- Vốn khác của CSH	127.728.500	-	-	127.728.500
- Cổ phiếu quỹ	(3.807.416.804)	-	-	(3.807.416.804)
- Quỹ đầu tư phát triển	66.657.559.505	-	-	66.657.559.505
- Quỹ dự phòng tài chính	26.953.486.997	-	-	26.953.486.997
- LN sau thuế chưa PP	(55.312.955.368)	6.985.140.478	40.000.000	(48.367.814.890)
Cộng	120.137.162.830	6.985.140.478	40.000.000	127.082.303.308

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không có
 Số lượng cổ phiếu quỹ: 300.000

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2013 như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- SCIC	3.500.000	35.000.000.000	42,10%
- Cổ đông khác	4.812.915	48.129.150.000	57,90%
Cộng	8.312.915	83.129.150.000	100,00%

(b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
▪ Vốn góp đầu năm	83.129.150.000	83.129.150.000
▪ Vốn góp tăng trong năm	-	-
▪ Vốn góp giảm trong năm	-	-
▪ Vốn góp cuối năm	83.129.150.000	83.129.150.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

(c) Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán: không có
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường: không có
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

(d) Cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	8.312.915	8.312.915
- Số lượng CP đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	8.312.915	8.312.915
▪ Cổ phiếu thường	8.312.915	8.312.915
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	300.000	300.000
▪ Cổ phiếu thường	300.000	300.000
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.012.915	8.012.915
▪ Cổ phiếu thường	8.012.915	8.012.915
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

1. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Doanh thu bán hàng</i>	<i>Giá vốn hàng bán</i>	<i>Lãi gộp</i>	<i>Tỷ lệ lãi gộp</i>
- Doanh thu phân bón	238.859.965.189	241.840.690.296	(2.980.725.107)	(1,25)%
- Doanh thu gạo	197.220.563.475	191.916.653.728	5.303.909.747	2,69%
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.406.794.210	1.583.435.779	1.823.358.431	53,52%
Doanh thu thuần	439.487.322.874	435.340.779.803	4.146.543.071	0,94%

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	2.123.821.356	1.874.118.695
- Lãi CLTG hối đoái phát sinh	35.845.399	489.948.524
- Lãi chậm thanh toán	2.845.861.958	14.369.318.534
- Cổ tức	14.610.238.497	10.390.267.000
Cộng	19.615.767.210	27.123.652.753

3. Chi phí tài chính

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Lãi tiền vay	8.808.123.358	71.425.509.211
- Lỗ CLTG hối đoái	769.211.233	4.039.164.842
Cộng	9.577.334.591	75.464.674.053

4. Chi phí bán hàng

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí nhân viên bán hàng	2.279.440.115	2.704.436.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	508.430.761	3.076.347.538
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.703.762.660	24.064.251.046
- Chi phí bằng tiền khác	248.564.176	1.344.494.932
Cộng	8.740.197.712	31.189.529.516

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí nhân viên quản lý	4.282.916.827	3.076.271.817
- Chi phí đồ dùng văn phòng	82.163.161	126.535.369
- Chi phí khấu hao TSCĐ	354.640.481	1.430.919.641
- Thuế, phí và lệ phí	144.014.590	38.028.182
- Chi phí dự phòng	1.949.541.639	3.620.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	800.799.927	661.590.303
- Chi phí bằng tiền khác	724.427.792	1.934.446.029
Cộng	8.338.504.417	10.887.791.341

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Thu nhập khác

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Nhượng bán TSCĐ	56.500.000.000	-
- Thu nhập khác	1.417.154.103	177.174.102
Cộng	57.917.154.103	177.174.102

7. Chi phí khác

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi nhượng bán TSCĐ	44.984.224.127	-
- Chi phí truy thu thuế và vi phạm HC	290.981.307	454.254
- Chi khác	621.410	-
Cộng	45.275.826.844	454.254

8. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 01/01/2013	(55.312.955.368)
Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2013	9.747.600.820
Trong đó,	
Lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh	(1.302.240.548)
Lợi nhuận từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	11.049.841.368
Chi phí thuế TNDN hiện hành (*)	2.762.460.342
Lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2013	6.985.140.478
Chi các khoản chi sau thuế	40.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2013	(48.367.814.890)

(*) Đây là chi phí thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng bất động sản.

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Lợi nhuận sau thuế	6.985.140.478	(59.041.519.038)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	8.012.915	8.012.915
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	872	(7.368)

10. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình tại Thuyết minh số V.9 trừ tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông Công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà tập đoàn áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại mục IV của Thuyết minh báo cáo tài chính này.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của đồng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Trong các lĩnh vực kinh doanh của Công ty, hoạt động xuất nhập khẩu chịu nhiều rủi ro khi có biến động về tỷ giá ngoại hối. Công ty đã thực hiện quản lý rủi ro liên quan đến biến động tỷ giá ngoại hối thông qua các biện pháp tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, lựa chọn thời điểm thích hợp mua và thanh toán các khoản ngoại tệ để cân bằng giữa rủi ro thanh toán và rủi ro tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay. Để giảm thiểu rủi ro về lãi suất thông qua phân tích và dự báo, Công ty đã lựa chọn các thời điểm và kỳ hạn thích hợp trong năm để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc duy trì các khoản vay cũng như cơ cấu vay nợ.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản và tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

Trong năm không có thay đổi lớn nào trong chính sách kế toán áp dụng tại Công ty.

2. Những thông tin về hoạt động liên tục: Công ty hoạt động liên tục trong tương lai.
3. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính vào ngày 31/12/2013, các bên sau đây được xem là các bên liên quan:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Quan hệ</i>
Công ty CP CBTPXK Miền Tây	Khu công nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, TPCT	Công ty con
Công ty CP Nông dược TSC	Khu công nghiệp Đức Hòa, Long An	Công ty con
Ông Trương Tấn Lộc		Thành viên HĐQT
Bà Trần Ngọc Diễm		Vợ thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty

Số dư với các bên liên quan:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Khoản mục</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty CP CBTPXK Miền Tây	Vay ngắn hạn	2.280.008.891
Công ty CP Nông dược TSC	Phải thu khách hàng	573.297.240
	Phải thu khác	52.600.078
	Cho vay ngắn hạn	19.803.243.361
Ông Trương Tấn Lộc	Phải thu khách hàng	3.130.758.000
Bà Trần Ngọc Diễm	Vay ngắn hạn	9.837.582.365

Các nghiệp vụ giao dịch với các bên liên quan:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Khoản mục</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty CP CBTPXK Miền Tây	Vay ngắn hạn	59.043.066.024
	Cho vay và trả nợ vay	49.400.834.058
	Cho thuê tài sản	1.586.237.507
	Lãi vay	833.051.324
	Cổ tức	14.448.238.497
Công ty CP Nông dược TSC	Cho vay	1.117.099.314
	Nhận trả nợ gốc vay	1.429.090.361
	Lãi cho vay	1.967.316.561
	Lãi vay	-
Ông Trương Tấn Lộc	Thu tiền bán hàng	190.000.000
Bà Trần Ngọc Diễm	Vay ngắn hạn	20.623.540.363
	Trả nợ vay	11.000.000.000
	Lãi vay	1.849.523.654

4. Số liệu so sánh

Số dư đầu năm căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt.

5. Doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (Lĩnh vực kinh doanh)

	<i>Doanh thu</i>	<i>Chi phí</i>	<i>Lợi nhuận</i>
Doanh thu phân bón	238.859.965.189	251.160.021.258	(12.300.056.069)
Doanh thu gạo	197.220.563.475	199.611.386.925	(2.390.823.450)
Doanh thu cung cấp d.vụ	3.406.794.210	1.648.073.749	1.758.720.461
Doanh thu tài chính	19.615.767.210	9.577.334.591	10.038.432.619
Doanh thu khác	57.917.154.103	45.275.826.844	12.641.327.259
Cộng	517.020.244.187	507.272.643.367	9.747.600.820

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

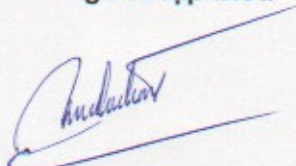
(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của doanh nghiệp

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Đvt</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	33,51	58,31
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	66,49	41,69
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	38,03	72,61
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	61,97	27,39
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	<i>lần</i>	2,63	1,38
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	<i>lần</i>	0,88	0,80
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	<i>lần</i>	0,37	0,10
2.4 Khả năng thanh toán nợ dài hạn	<i>lần</i>	-	-
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	1,89	(2,60)
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	1,35	(2,60)
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	4,75	(13,46)
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	3,41	(13,46)
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên NVCSH	%	5,50	(49,15)

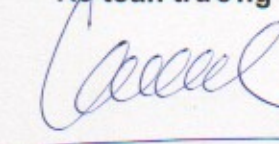
Cần Thơ, ngày 18 tháng 01 năm 2014

Người lập biểu



BÙI ĐỨC HOÀN

Kế toán trưởng



TRẦN XUÂN ĐIẾU

Tổng Giám đốc




PHẠM VĂN TUẤN

